

Bài 38 THỪA SỐ, TÍCH (2 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

Kiến thức, kĩ năng

- Nhận biết được thừa số, tích trong phép nhân.
- Tính được tích khi biết hai thừa số của tích đó.
- Vận dụng vào giải bài toán thực tế liên quan đến phép nhân.

Phát triển năng lực

Qua hoạt động khám phá (nhận biết thừa số, tích) và qua hoạt động vận dụng vào giải bài toán thực tế, HS phát triển năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp toán học.

II CHUẨN BỊ

Bộ đồ dùng học Toán 2.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Lưu ý chung: Ở mỗi tiết học của bài học, GV nên tổ chức dạy học theo các bước:

Khởi động → Thực hiện hình thức dạy học phù hợp → Củng cố

Tiết 1. Thừa số, tích

Yêu cầu chủ yếu của tiết học: Giúp HS nhận biết được thừa số và tích trong phép nhân; tính được tích khi biết các thừa số; vận dụng giải các bài toán thực tế liên quan đến ý nghĩa phép nhân.

1. Khám phá

- Cách tiếp cận:



- GV cho HS quan sát tranh, nêu thành bài toán. Chẳng hạn: “Mỗi bể cá có 3 con cá. Hỏi 5 bể như vậy có bao nhiêu con cá?”. Từ đó nêu phép nhân thích hợp $3 \times 5 = 15$.

- Từ phép nhân $3 \times 5 = 15$, GV chỉ cho HS nhận biết đâu là thừa số (3 và 5), đâu là tích (15 hoặc 3×5).
- Ngay sau khám phá, GV có thể đưa ra một vài phép nhân để HS nhận biết, nếu được các thừa số và tích của các phép nhân đó.

2. Hoạt động

Bài 1: Yêu cầu vận dụng trực tiếp khám phá. HS nêu, viết được các thừa số và tích của mỗi phép nhân đã cho vào ô có dấu “?” trong bảng.

Bài 2:

- Câu a: Yêu cầu HS quan sát hình, nhận xét số chấm ở mỗi tấm thẻ (hình) rồi nêu phép nhân thích hợp với mỗi nhóm hình (theo mẫu ở nhóm hình A).

Chẳng hạn: (B) $5 \times 4 = 20$; (C) $3 \times 5 = 15$.

- + Kết quả các phép nhân ở (B) và (C) đã được học hoặc có thể đếm tổng số các chấm ở mỗi nhóm hình để suy ra kết quả của phép nhân tương ứng.
- + Nếu cần thiết, GV cho HS đếm tổng số chấm hoặc chuyển về phép cộng để tính được $6 \times 3 = 6 + 6 + 6 = 18$.

- Câu b: Sau khi HS nêu đúng các phép nhân ở câu a, GV cho HS nêu, viết số thích hợp vào ô có dấu “?” trong bảng.

Lưu ý: Kết thúc tiết học, GV cho HS củng cố bài học (như yêu cầu đã nêu ở đầu tiết học).

Tiết 2. Luyện tập

Yêu cầu chủ yếu của tiết học: Củng cố ý nghĩa của phép nhân; nhận biết thừa số, tích của phép nhân; tính được tích khi biết các thừa số; vận dụng so sánh hai số; giải bài toán liên quan đến phép nhân.

Bài 1: Yêu cầu HS tính được tích khi biết các thừa số của tích (theo mẫu).

Bài này ôn tập tính phép nhân bằng cách chuyển thành phép cộng các số hạng bằng nhau.

Bài 2: Yêu cầu HS thực hiện phép nhân hai thừa số theo mỗi cột rồi nêu, viết kết quả vào ô có dấu “?” tương ứng trong bảng.

Các tích cần tính ở bài này đều đã được học trước đó. Tuy nhiên, nếu cần thiết thì GV có thể cho HS chuyển các tích về tổng các số hạng bằng nhau để tính.

Bài 3: Yêu cầu HS nêu, viết số thích hợp vào ô có dấu “?” ở phép tính và đáp số của bài giải các bài toán trong mỗi câu a và b.

- HS có thể dựa vào tranh để tính kết quả của các phép nhân.
- Tuỳ điều kiện, GV có thể cho HS trình bày lại các bài giải hoàn chỉnh.

- Câu a: Phân tích theo từng hàng (có 3 hàng, mỗi hàng có 5 quả bóng). Số quả bóng có tất cả là: $5 \times 3 = 15$ (quả). HS nêu, viết các số vào ô có dấu "?" ở phép tính và đáp số của bài giải.
- Câu b: Phân tích theo từng cột (có 5 cột, mỗi cột có 3 quả bóng). Số quả bóng có tất cả là: $3 \times 5 = 15$ (quả). HS nêu, viết các số vào ô có dấu "?" ở phép tính và đáp số của bài giải.
- GV cho HS nhận xét: $5 \times 3 = 3 \times 5$ (cùng bằng 15).

Bài 4: Yêu cầu HS quan sát tranh (tương tự bài 3), tính được $2 \times 4 = 4 \times 2 = 8$. Từ đó HS nêu, viết được dấu ($>$; $<$; $=$) thích hợp vào ô có dấu "?" ở mỗi câu. Chẳng hạn:
a) $2 \times 4 \boxed{=} 4 \times 2$; b) $2 \times 4 \boxed{>} 7$; c) $4 \times 2 \boxed{<} 9$.

Lưu ý: Kết thúc tiết học, GV cho HS củng cố bài học (như yêu cầu đã nêu ở đầu tiết học).